

Bản án số: 167/2022/DS-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
đặt cọc*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông TRẦN TẤN PHÁT.

2/ Ông VÕ VĂN TRUNG.

- Thư ký phiên tòa: Bà NGÔ THỊ CẨM LOAN - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN NGỌC NHIÊN - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1030/TB-TA ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Kim C**, sinh năm 1966 - (có mặt)

Địa chỉ: Nhà số 08, Hẻm 15, đường PVD, Khu phố 3, phường LH, thị xã HT, tỉnh T.

2. **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu Ch**, sinh năm 1987 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà số 240, đường HCG, Khu phố 7, Phường 7, thành phố TN, tỉnh T.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà **Tạ Thị Bích T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Nhà số 27, Hẻm 20, đường TPĐ, ấp TL, xã TT, thị xã HT, tỉnh T - (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3.2. Anh **Châu Trung N**, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Ninh P, xã BN, huyện DMC, tỉnh T - (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Kim C trình bày:

Bà không quen biết chị Nguyễn Thị Thu Ch, bà Tạ Thị Bích T, do bà có nhu cầu mua đất để xây nhà ở, thông qua người môi giới tên Châu Trung N giới thiệu bà gặp chị Ch để mua đất. Chị Ch nói với bà là chị Ch có phần đất thổ cư diện tích 110m² (ngang 5m x dài 22m), đất trống, tọa lạc tại khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh T, thửa đất số 500, tờ bản đồ số 51 cần bán và dẫn bà đến xem đất. Chị Ch nói giấy đỏ đang thế chấp cho ngân hàng để vay tiền nên không đưa cho bà xem được, khi nào bà giao đủ tiền thì chị Ch sẽ đưa giấy đỏ cho bà để làm thủ tục sang tên và cam kết là đất này không có tranh chấp, không bị quy hoạch.

Ngày 12/5/2022 bà và chị Ch có làm hợp đồng đặt cọc theo mẫu bên chị Ch in sẵn, thỏa thuận giá chuyển nhượng đất là 640.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi triệu đồng), bà đã giao cho chị Ch số tiền cọc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), chị Ch có ký tên nhận tiền, còn lại 610.000.000 đồng khi nào làm thủ tục sang tên trả đủ. Thời hạn làm thủ tục chuyển nhượng là 40 ngày, hạn cuối cùng vào ngày 20/6/2022, nếu bên bán không bán sẽ bồi thường gấp 2 lần tiền cọc là 60.000.000 đồng; nếu bên mua không mua sẽ bị mất tiền cọc.

Hợp đồng đặt cọc ngày 12/5/2022 do người phụ nữ đi cùng với chị Ch viết trên 01 bản chính giao cho bà giữ và được cal ra 02 bản bên chị Ch giữ. Sau khi xem lại hợp đồng, bà đề nghị ghi vào hợp đồng là cam kết đất không bị quy hoạch, chị Ch lấy bản chính hợp đồng đặt cọc ghi thêm chữ “QH”, là viết tắt của chữ “quy hoạch”, do lúc đó hợp đồng đã xé ra đưa cho mỗi người 01 bản nên hai chữ “QH” không thể hiện trên 02 bản giấy cal bên chị Ch giữ. Bà không yêu cầu giám định chữ viết của chị Ch đối với chữ “QH”, chỉ đề nghị Tòa án xem xét việc chị Ch không phải là người sử dụng đất mà lại đứng tên bán đất này cho bà là không hợp pháp.

Sau khi bà đưa tiền cọc cho chị Ch xong thì chị Ch có đưa cho bà xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tạ Phúc V, bà Trần Thị Thảo Q mà không phải là tên của chị Ch, bà có hỏi thì chị Ch nói là khi nào bà giao tiền đủ thì chị Ch hện chủ đất ra gặp, hai bên sẽ làm thủ tục chuyển nhượng.

Trước khi đặt cọc bà không kiểm tra đất này có bị Nhà nước quy hoạch hay không. Sau khi đặt cọc xong, bà nhờ người quen tra cứu thì biết được thửa đất này trước khi bán cho bà thì đã bị Nhà nước quy hoạch, nên bà xin gia hạn thêm thời hạn ký hợp đồng chuyển nhượng đến ngày 05/7/2022 để bà làm thủ tục xin tra cứu thông tin về thửa đất này. Đến ngày 10/8/2022 bà mới nhận được văn bản trả lời số 719/PCCTT của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã HT, tỉnh T thể hiện thửa đất này thuộc quyền sử dụng của bà Tạ Thị Bích T, ngụ tại Khu phố 3, phường Long Hoa, thị xã HT nhưng đã quy hoạch dự án Khu du lịch nông nghiệp, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là đất thương mại dịch vụ, không cho phép xây dựng nhà ở, nên bà không đồng ý mua đất này nữa, đất này cũng không phải là đất của chị Ch nên chị Ch không có quyền bán cho bà. Sau đó, bà có liên hệ với chị Ch yêu cầu hủy hợp đồng và trả lại tiền cọc 30.000.000 đồng cho bà nhưng chị Ch không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng mà yêu cầu bà tiếp tục thực hiện đồng, không đồng ý

trả lại tiền cọc cho bà. Như vậy lỗi không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng là của chị Ch, bà không có lỗi.

Nay bà C yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc mà bà và chị Ch đã ký ngày 12/5/2022. Nếu hòa giải thành thì bà C yêu cầu chị Ch trả lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không yêu cầu anh N trả lại tiền huê hồng đã nhận; nếu phải mở phiên tòa xét xử thì yêu cầu chị Ch trả lại cho bà tiền cọc 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu bồi thường tiền cọc 30.000.000 đồng. Bà C chỉ đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự để bà được nhận lại tiền cọc, không yêu cầu xem xét dấu hiệu hình sự đối với chị Nguyễn Thị Thu Ch và cũng không yêu cầu anh Châu Trung N có nghĩa vụ liên đới với chị Ch để trả lại cho bà số tiền cọc này, vì bà đưa tiền cho chị Ch nhận thì chị Ch có nghĩa vụ trả lại cho bà, còn việc đưa tiền giữa chị Ch và anh N thì giữa hai người tự giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu Ch trình bày:

Chị không quen biết bà C, chị kinh doanh bất động sản, thông qua người môi giới tên Châu Trung N giới thiệu chị bán đất cho bà C. Ngày 12/5/2022 chị có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Võ Thị Kim C một phần đất thổ cư diện tích 110m² (ngang 5m x dài 22m), đất trống tọa lạc tại khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh T, thửa đất số 500, tờ bản đồ số 51. Đất này do ông Tạ Phúc V và bà Trần Thị Thảo Q cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 30/11/2021, nhưng đã chuyển nhượng cho bà Tạ Thị Bích T vào ngày 22/12/2021, bà T có cập nhật trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Giữa chị và bà T có hợp tác kinh doanh bất động sản, phần đất này chị mua lại của bà T vào ngày 30/4/2022 với giá 600.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc và chị đã đặt cọc cho bà T số tiền là 100.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng khi nào ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng sẽ giao đủ. Thời hạn chuyển nhượng là 03 tháng (từ ngày 30/4/2022 đến hết ngày 30/7/2022), nếu bên bán không bán sẽ bồi thường gấp đôi tiền cọc, bên mua không mua sẽ bị mất tiền cọc. Ngoài ra có thỏa thuận thêm là nếu chị có tiền thì sẽ thanh toán cho bà T trước ngày hẹn. Giữa chị và bà T chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên.

Sau khi đặt cọc mua phần đất này của bà T thì chị bán phần đất này lại cho bà C với giá 640.000.000 đồng, nhận đặt cọc 30.000.000 đồng, còn lại 610.000.000 đồng khi nào ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng giao đủ. Thời hạn làm thủ tục chuyển nhượng là 40 ngày (từ ngày 12/5/2022 đến hết ngày 20/6/2022), chị có cam kết đất không tranh chấp, giao ranh, cấm trụ cho bên mua, không bao việc đất này có bị Nhà nước quy hoạch hay không. Chị có nói bà T biết là chị bán lại đất này cho bà C, bà T cũng đồng ý là khi nào ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng thì bà T, chị và bà C cùng làm thủ tục chuyển nhượng. Tại thời điểm chị thỏa thuận chuyển nhượng đất này cho bà C thì đất này đã bị quy hoạch nhưng Nhà nước chưa sử dụng, vẫn cho chuyển nhượng bình thường, khi nào Nhà nước sử dụng đất này sẽ bồi thường.

Hết hạn hợp đồng, bà C nói chưa đủ tiền nên xin chị gia hạn thêm 15 ngày nữa, đến ngày 05/7/2022 chị đồng ý. Nhưng hết 15 ngày mà bà C vẫn không ra công chứng, sau đó nói là không mua đất của chị nữa và kêu chị trả tiền lại, chị không đồng ý trả, nên bà C khởi kiện ra Tòa án.

Đất này chị đã đặt cọc mua của bà T, việc bán lại cho bà C chị cũng có nói cho bà T biết và bà Tuyên cũng đồng ý, nên bà C tự ý hủy hợp đồng không phải lỗi của bên chị.

Trước khi mua đất chị có dẫn bà C xem đất, khi nhận tiền cọc thì bà C yêu cầu chỉ ranh, đất này đã cắm 04 trụ xi măng tại 04 góc đất, nên chị đã lấy nước sơn xịt lên 04 trụ này xác định ranh đất bán cho bà C.

Chị bán phần đất này cho bà C qua người môi giới là anh Châu Trung N, nên trong tiền nhận cọc của bà C 30.000.000 đồng chị đã đưa cho N tiền môi giới là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chị không yêu cầu anh N trả lại số tiền này.

Hợp đồng đặt cọc này đã hết hạn, không còn hiệu lực, chị không đồng ý hủy hợp đồng và cũng không đồng ý trả lại tiền cọc cho bà C vì bà C là người vi phạm hợp đồng không mua đất nữa, chứ không phải bên chị vi phạm không bán đất cho bà C. Ngoài ra, do bà C không mua đất này nên chị đã bị mất tiền đặt cọc cho bà T phần đất này hết 100.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2022 bà Tạ Thị Bích T trình bày:

Phần đất thổ cư diện tích 110m² (ngang 5m x dài 22m), đất trồng, tọa lạc tại khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh T, thửa đất số 500, tờ bản đồ số 51 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà, do bà nhận chuyển nhượng của ông Tạ Phúc V, bà Trần Thị Thảo Q và đã được cập nhật thông tin địa chính vào ngày 22/12/2021.

Bà không quen biết bà C và cũng không chuyển nhượng phần đất này cho bà C. Ngày 30/4/2022 bà đồng ý chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Thu Ch phần đất này với giá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng đặt cọc, chị Ch đã đưa tiền cọc cho bà là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại khi nào ra ký hợp đồng công chứng giao đủ. Thời hạn làm hợp đồng chuyển nhượng là 03 tháng (từ ngày 30/4/2022 đến hết ngày 30/7/2022), nếu bên bán không bán sẽ bồi thường gấp đôi tiền cọc, bên mua không mua sẽ bị mất tiền cọc. Ngoài ra có thỏa thuận thêm là nếu chị Ch có tiền thì sẽ thanh toán cho bà trước ngày hẹn hoặc chị Ch có bán đất này lại cho người khác thì bà đồng ý làm thủ tục sang tên trực tiếp qua cho người đó. Giữa bà và chị Ch chưa làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, hợp đồng đặt cọc giữa bà với chị Ch đã hết thời hạn nhưng chị Ch không tiếp tục mua là vi phạm hợp đồng, nên đã bị mất tiền cọc 100.000.000 đồng.

Khi chị Ch chuyển nhượng phần đất này cho bà C, chị Ch có điện thoại thông báo cho bà biết và bà C cũng có nói chuyện với bà qua điện thoại về việc mua lại phần đất này, bà cũng đồng ý làm thủ tục sang tên phần đất này qua cho bà C nhưng sau đó bà C không mua phần đất này. Hiện nay bà vẫn đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, không chuyển nhượng phần đất này cho ai khác. Đất này không có quy hoạch, Nhà nước vẫn cho chuyển nhượng bình thường.

Việc bà C khởi kiện yêu cầu chị Ch trả lại tiền cọc 30.000.000 đồng, bà không có ý kiến, giữa hai bên tự giải quyết, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà C muốn mua lại phần đất này thì bà đồng ý bán cho bà C với giá 670.000.000 đồng (sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 01/11/2022 anh Châu Trung N trình bày:

Anh không quen biết với bà C và chị Ch, anh có môi giới để chị Ch bán đất cho bà C và ký tên làm chứng trong Hợp đồng đặt cọc ngày 12/5/2022. Trong số tiền bà C đặt cọc cho chị Ch 30.000.000 đồng, chị Ch có đưa cho anh tiền huê hồng là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), anh đã chia tiền này cho nhiều người khác cùng anh môi giới bán phần đất này, nên không đồng ý đưa lại số tiền này cho chị Ch hay bà C.

Tại phiên tòa, bà C tự nguyện chịu một nửa tiền phí môi giới cho anh Châu Trung N số tiền 6.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Ch trả lại số tiền cọc là 24.000.000 đồng. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà C rút lại yêu cầu chị Ch bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng đặt cọc giữa chị Nguyễn Thị Thu Ch với bà Võ Thị Kim C ký ngày 12/5/2022 là vô hiệu. Buộc chị Ch hoàn trả cho bà C số tiền 24.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của bà C đòi chị Ch bồi thường thiệt hại số tiền là 30.000.000 đồng. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Ch là bị đơn; bà Tạ Thị Bích T và anh Châu Trung N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch, bà T, anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà C và chị Ch thừa nhận có ký kết hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà C cho rằng đất bị Nhà nước quy hoạch và chị Ch không phải là chủ sử dụng thửa đất này nên không đồng ý nhận chuyển nhượng, yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và nhận lại tiền cọc nhưng chị Ch không đồng ý nên bà C khởi kiện. Do đó xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Bà C và chị Ch đều xác định ngày 12/5/2022 hai bên có ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích

110m² (ngang 5m x dài 22m), đất trồng, tọa lạc tại khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Điều 168 Luật Đất đai quy định:

“1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận”...

Điều 188 Luật Đất đai quy định:

“1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quay định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này”...

Tại thời điểm bà C và chị Ch ký hợp đồng đặt cọc ngày 12/5/2022 cho đến nay thì đất này do bà Tạ Thị Bích T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, chị Ch chỉ đặt cọc tiền cho bà T, chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Bà T không có văn bản hợp pháp ủy quyền cho chị Ch để chuyển nhượng thửa đất này cho người khác. Theo quy định tại Điều 168 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 thì chị Ch không có quyền chuyển nhượng đất của bà T cho bà C hay cho người nào khác. Do đó, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Ch với bà C vi phạm điều cấm của pháp luật, nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 117, 122, 123 của Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, lẽ ra chị Ch phải có nghĩa vụ trả lại cho bà C số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa bà C tự nguyện chịu một nửa tiền phí môi giới cho anh Châu Trung N số tiền là 6.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Ch trả lại 24.000.000 đồng, nên ghi nhận. Ghi nhận chị Ch không yêu cầu anh N trả lại số tiền đã nhận và cũng không yêu cầu anh N liên đới với chị Ch để trả lại tiền cho bà C.

Xét việc bà C rút một phần yêu cầu chị Ch bồi thường số tiền 30.000.000 đồng là do tự nguyện, nên ghi nhận. Bà C có quyền khởi kiện lại về số tiền này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên chị Ch phải chịu án phí không có giá ngạch về việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và 5% án phí đối với số tiền 24.000.000 đồng trả cho bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 122, 123, 131, 328 của Bộ luật Dân sự; các Điều 168, 188 của Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim C đối với chị Nguyễn Thị Thu Ch.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết ngày 12/5/2022 giữa chị Nguyễn Thị Thu Ch và bà Võ Thị Kim C vô hiệu.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Ch có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị Kim C số tiền đặt cọc là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu Ch không yêu cầu anh Châu Trung N hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng trong số tiền 30.000.000 đồng mà chị Ch đã nhận tiền cọc của bà C.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ch không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị Ch còn phải trả cho bà C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) của bà Võ Thị Kim C đối với chị Nguyễn Thị Thu Ch. Bà C được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Ch phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Võ Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001327 ngày 28/9/2022.

4. Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Kim C được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Duyên